

Số: 1744/2018/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 27 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1472/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Văn O, sinh năm 1984.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 379/54 đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Phạm Văn O và bà Trần Thị N là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 Quyền số: 01 ngày 22/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 11 năm 2018 ông O và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Ông O là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 04/01/2012. Bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thủy T, sinh ngày 19/08/2009. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không có yêu cầu. Về tài sản chung: Ông O và bà N khai không có tài sản

chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông O và bà N thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Phạm Văn O và bà Trần Thị N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 40 Quyền số: 01 ngày 22/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh F hết hiệu lực.

- Về con chung: Có hai con chung:

+ Ông Phạm Văn O là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Phạm Đức H, sinh ngày 04/01/2012.

+ Bà Trần Thị N là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Thủy T, sinh ngày 19/08/2009.

Ông O và bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên khai không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn O và bà Trần Thị N phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2018/0001367 ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND xã D, H. D, tỉnh F;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].